CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 57 **Ngày 01 tháng 10 năm 2013**

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

16-9-2013 - Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh. 3

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

16-9-2013 - Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hoá huyện Cần Giờ. 14

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

12-9-2013 - Quyết định số 5003/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015. 23

Trang

12-9-2013 - Quyết định số 5006/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015. 45

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 37/2013/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 9 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 29 tháng 11 năm 2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 04 tháng 8 năm 2007 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 23 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tố cáo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 475/2009/TTLT-TTCP-BNV ngày 13 tháng 3 năm 2009 của Thanh tra Chính phủ và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra thành phố tại Công văn số 803/TTTP-BQLDA ngày 29 tháng 7 năm 2013 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 695/TTr-SNV ngày 28 tháng 8 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh".

Điều 2. Chánh Thanh tra thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện các nội dung, điều khoản được phê duyệt tại Quy chế này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 96/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Chánh Thanh tra thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí, chức năng

Thanh tra thành phố là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý Nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; tiến hành thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Thanh tra thành phố chịu sự chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và chịu sự chỉ đạo về công tác, hướng dẫn về tổ chức, nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

Điều 2. Tư cách pháp lý

Thanh tra thành phố có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Trụ sở làm việc của Thanh tra thành phố đặt tại số 13 đường Trần Quốc Thảo, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn

Thanh tra thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau:

1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố về lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

b) Dự thảo quy hoạch, kế hoạch 5 năm và hàng năm; chương trình, đề án, biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

c) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể tiêu chuẩn chức danh đối với cấp Trưởng, cấp Phó các tổ chức thuộc Thanh tra thành phố; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra Sở - ngành; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra quận - huyện.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị cá biệt về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Dự thảo chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm và các chương trình, kế hoạch khác theo quy định của pháp luật;

c) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các đơn vị thuộc Thanh tra thành phố.

3. Trong quản lý nhà nước về thanh tra:

a) Tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch thanh tra sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra của Thanh tra Sở - ngành; Thanh tra quận - huyện;

c) Yêu cầu các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện báo cáo về công tác thanh tra; tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra;

d) Chỉ đạo công tác thanh tra, hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra hành chính đối với Thanh tra Sở - ngành, Thanh tra quận - huyện;

đ) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Thanh tra thành phố;

e) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

g) Tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Trong hoạt động thanh tra:

a) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của Sở - ngành, của Ủy ban nhân dân quận - huyện; thanh tra đối với doanh nghiệp nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập;

b) Thanh tra vụ việc phức tạp, liên quan đến trách nhiệm của nhiều Sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện;

c) Thanh tra vụ việc khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao;

d) Kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của kết luận thanh tra và quyết định xử lý sau thanh tra của Giám đốc Sở - ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện khi cần thiết.

5. Về giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Bao gồm:

a) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tiến hành kiểm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khi được giao.

b) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan thuộc quyền quản lý trực tiếp của thủ trưởng trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc kiến nghị người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để chấm dứt vi phạm, xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người vi phạm.

c) Xác minh nội dung tố cáo, kết luận nội dung xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khi được giao;

d) Xem xét, kết luận việc giải quyết tố cáo mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Thủ trưởng Sở - ngành đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp luật thì kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết lại.

6. Về phòng, chống tham nhũng:

Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng; thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Bao gồm:

a) Theo dõi, nắm bắt tình hình, tham mưu đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xử lý bước đầu các vụ việc có dấu hiệu tiêu cực, tham nhũng trên địa bàn thành phố;

b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra và tổng hợp kết quả việc kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định định kỳ báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân thành phố, Thanh tra Chính phủ; tiến hành xác minh kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

c) Kiểm tra, giám sát nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi tham nhũng trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

7. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

8. Thực hiện hợp tác quốc tế về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật và sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, Thanh tra Chính phủ.

9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

10. Tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng. Thực hiện công tác thông tin, tổng hợp, báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và Thanh tra Chính phủ.

11. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng, các phòng thuộc Thanh tra thành phố; quản lý biên chế, thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra thành phố theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

12. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra thành phố

Chánh Thanh tra thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 22 Luật Thanh tra năm 2010, Điều 11 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra. Cụ thể như sau:

1. Nhiệm vụ của Chánh Thanh tra thành phố:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố; lãnh đạo Thanh tra thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Thanh tra và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Chủ trì xử lý việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra giữa các Thanh tra Sở - ngành với Thanh tra quận - huyện; chủ trì phối hợp với Chánh Thanh tra bộ xử lý việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra trên địa bàn thành phố;

c) Xem xét xử lý vấn đề mà Chánh Thanh tra Sở không nhất trí với Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra quận - huyện không nhất trí với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện về công tác thanh tra. Trường hợp Giám đốc Sở không đồng ý với kết quả xử lý của Chánh Thanh tra thành phố thì Chánh Thanh tra thành phố báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2. Quyền hạn của Chánh Thanh tra thành phố:

a) Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về quyết định của mình;

b) Quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Giám đốc Sở kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao; quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

c) Yêu cầu Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện thanh tra trong phạm vi quản lý của Sở, Ủy ban nhân dân quận - huyện khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện không đồng ý thì có quyền ra quyết định thanh tra, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về quyết định của mình;

d) Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết vấn đề về công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ;

đ) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành

quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra;

e) Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra; yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra.

g) Thanh tra trách nhiệm của Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

h) Trưng tập công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia hoạt động thanh tra.

i) Chánh Thanh tra thành phố tham dự các cuộc họp của Ủy ban nhân dân thành phố và tham gia các Hội đồng cấp thành phố có liên quan đến công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của thanh tra viên, cán bộ thanh tra, cộng tác viên thanh tra

Thanh tra viên, cán bộ thanh tra, cộng tác viên thanh tra thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Thanh tra và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương III
TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ

Điều 6. Cơ cấu tổ chức của Thanh tra thành phố

1. Thanh tra thành phố gồm: Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra, các Thanh tra viên và công chức khác.

2. Thanh tra thành phố làm việc theo chế độ thủ trưởng, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân của từng cán bộ thanh tra.

3. Chánh Thanh tra thành phố là người đứng đầu Thanh tra thành phố, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về hoạt động của Thanh tra thành phố.

Chánh Thanh tra thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ.

4. Phó Chánh Thanh tra thành phố giúp Chánh Thanh tra thành phố thực hiện nhiệm vụ được Chánh Thanh tra phân công, ủy quyền phụ trách từng lĩnh vực công tác và chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra thành phố và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công, được giao. Khi Chánh Thanh tra thành phố vắng mặt, một Phó Chánh Thanh tra thành phố được Chánh Thanh tra thành phố phân công điều hành các hoạt động của Thanh tra thành phố.

Phó Chánh Thanh tra thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Chánh Thanh tra thành phố.

5. Các chức danh khác của Thanh tra thành phố thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Việc khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Chánh Thanh tra và Phó Chánh Thanh tra thành phố thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Tổ chức, bộ máy và biên chế cơ quan Thanh tra thành phố

1. Cơ cấu tổ chức của Thanh tra thành phố gồm:

a) Văn phòng.

b) Các phòng:

- Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo số 1 (Phòng 1);

- Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo số 2 (Phòng 2);

- Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo số 3 (Phòng 3);

- Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo số 4 (Phòng 4);

- Phòng Tiếp công dân và Xử lý đơn (Phòng 5);

- Phòng Pháp chế (Phòng 6);

- Phòng Thanh tra chống tham nhũng (Phòng 7);

- Phòng Thanh tra, giám sát và xử lý sau thanh tra (Phòng 8).

c) Ban Quản lý dự án POSCIS (giải thể khi hoàn thành dự án).

2. Quy chế làm việc của Văn phòng, các phòng, ban thuộc Thanh tra thành phố do Chánh Thanh tra ban hành.

3. Việc thành lập, giải thể, chia, tách, sáp nhập tổ chức Văn phòng, các phòng, ban, quy định chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng, các phòng, ban do Chánh Thanh

tra thành phố quyết định cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ theo quy định của pháp luật sau khi thỏa thuận thống nhất với Sở Nội vụ.

4. Biên chế của Thanh tra thành phố được Ủy ban nhân dân thành phố giao chỉ tiêu hàng năm với số lượng đủ đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ và nằm trong chỉ tiêu biên chế chung của thành phố.

5. Trong phạm vi biên chế và kinh phí được Ủy ban nhân dân thành phố giao, Chánh Thanh tra thành phố được quyền thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan Thanh tra thành phố.

Chương IV
MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 8. Mối quan hệ với Thanh tra Chính phủ

Thanh tra thành phố chịu sự chỉ đạo về công tác, hướng dẫn về tổ chức, nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ; có trách nhiệm báo cáo, hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng cho Thanh tra Chính phủ.

Điều 9. Mối quan hệ với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố

Thanh tra thành phố chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố; có trách nhiệm báo cáo hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng cho Hội đồng nhân dân thành phố khi có yêu cầu: trả lời các chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về những vấn đề liên quan đến lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định.

Thanh tra thành phố chịu sự chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất cho Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

Điều 10. Mối quan hệ với các cơ quan Tư pháp và Kiểm toán Nhà nước

Thanh tra thành phố phối hợp chặt chẽ với cơ quan Kiểm toán Nhà nước, cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong việc phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận, quyết định của mình trong quá trình thanh tra vụ việc tham nhũng.

Điều 11. Mối quan hệ với các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện

1. Phối hợp chặt chẽ với các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện để thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và cơ quan, tổ chức hữu quan trong việc xác định cơ cấu, tổ chức, biên chế, chế độ, chính sách đối với Thanh tra Sở - ngành, Thanh tra quận - huyện.

3. Phối hợp với Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và thuyên chuyển, điều động Chánh Thanh tra Sở, Chánh Thanh tra quận - huyện và các chức danh thanh tra.

Điều 12. Mối quan hệ với Thanh tra sở - ngành và Thanh tra quận - huyện

1. Hướng dẫn, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

2. Phối hợp tiến hành thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo kế hoạch và quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; chỉ đạo, tổng kết rút kinh nghiệm về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

3. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Căn cứ Quy chế này, Chánh Thanh tra thành phố có trách nhiệm xây dựng Quy chế làm việc của cơ quan Thanh tra thành phố và hướng dẫn Thanh tra Sở - ngành, Thanh tra quận - huyện xây dựng quy chế tổ chức hoạt động của từng đơn vị.

Thủ trưởng các Sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra thành phố thực hiện Quy chế này.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung

Khi có yêu cầu, Chánh Thanh tra thành phố phối hợp với Giám đốc các Sở Nội vụ, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIỜ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2013/QĐ-UBND	*Cần Giờ, ngày 16 tháng 9 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hoá huyện Cần Giờ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ

quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 113/2007/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Văn hóa huyện tại Tờ trình số 04/TTr-TTVH ngày 09 tháng 7 năm 2013 và Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 94/TTr-NV ngày 06 tháng 8 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa huyện Cần Giờ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa huyện Cần Giờ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tư pháp, Giám đốc Trung tâm Văn hóa huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Huỳnh Cách Mạng

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hoá huyện Cần Giờ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng:

1. Vị trí:

- Trung tâm Văn hóa huyện Cần Giờ (gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, có tư cách pháp nhân, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Trụ sở đặt tại đường Lê Hùng Yên, khu phố Giồng Ao, thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chức năng:

a) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, cổ động phục vụ nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội theo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại địa phương;

b) Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác văn hóa cơ sở;

c) Tổ chức, cung ứng dịch vụ công; đáp ứng nhu cầu hoạt động giao lưu, hưởng thụ, sáng tạo văn hóa và giải trí lành mạnh của nhân dân trên địa bàn.

Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Căn cứ chương trình phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của huyện để xây dựng kế hoạch hoạt động trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.

2. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền cổ động, đọc sách báo, giải trí, câu lạc bộ, nhóm sở thích, lớp năng khiếu nghệ thuật, kỹ năng ngành nghề, vui chơi giải trí.

3. Tổ chức các cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng, lễ hội truyền thống. Tổ chức các lớp hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ hoạt động văn hóa nghệ thuật quần chúng để góp phần xây dựng và nâng cao đời sống văn hóa ở cơ sở.

4. Tổ chức các dịch vụ văn hóa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

5. Phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu văn hóa, văn nghệ.

6. Sưu tầm hình ảnh, bổ sung tài liệu, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn huyện.

7. Tổ chức các loại hình văn hóa đáp ứng nhu cầu của nhân dân, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của đơn vị; phục vụ tốt nhu cầu đọc sách, xây dựng và quản lý vốn tài liệu. Hỗ trợ mạng lưới thư viện, phòng đọc, tủ sách và luân chuyển sách báo cho cơ sở.

8. Hợp tác, giao lưu, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ và các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa với các đơn vị, tổ chức trong và ngoài huyện.

9. Quản lý công chức, viên chức, tài chính và tài sản theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân huyện giao theo quy định của pháp luật.

Chương III
CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Cơ cấu tổ chức:

1. Trung tâm Văn hóa huyện Cần Giờ do Giám đốc phụ trách, có từ 01 đến 02 Phó Giám đốc.

a) Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Trung tâm;

Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành các hoạt động của Trung tâm;

b) Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc quản lý, điều hành một số mặt công tác do Giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công;

c) Việc bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; việc miễn nhiệm, từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật;

d) Viên chức và nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực viên chức, Trung tâm Văn hóa tổ chức thành 04 (bốn) Tổ nghiệp vụ gồm:

a) Tổ Hành chính - Tổng hợp:

Thực hiện nhiệm vụ về hành chính - quản trị, tổng hợp, văn thư lưu trữ; quản lý cung ứng vật tư, trang thiết hoạt động; xây dựng kế hoạch, tài chính, kế toán; khai thác, tổ chức các dịch vụ văn hóa theo chức năng, nhiệm vụ trên cơ sở phát huy hiệu quả năng lực viên chức, cộng tác viên và cơ sở vật chất của Trung tâm.

b) Tổ Văn hóa - Văn nghệ:

Có nhiệm vụ tham mưu cho Ban Giám đốc về thực hiện tổ chức các hoạt động liên hoan, hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng, lễ hội truyền thống; xây dựng các đội văn nghệ quần chúng phục vụ yêu cầu chính trị và nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân; định hướng các loại hình sinh hoạt câu lạc bộ, đội - nhóm sở thích, các lớp năng khiếu về nghệ thuật. Biên soạn và in ấn các tài liệu nghiệp vụ hướng dẫn hoạt động phong trào văn nghệ quần chúng ở cơ sở. Tổ chức các lớp hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ nhà văn hóa xã, thị trấn. Xây dựng kế hoạch đào tạo các lớp năng khiếu văn hóa nghệ thuật, xây dựng đời sống văn hóa cơ sở trên địa bàn huyện.

c) Tổ Tuyên truyền cổ động - lưu động:

Có nhiệm vụ tổ chức các hoạt động tại chỗ và lưu động về thông tin, tuyên truyền cổ động, triển lãm, biên soạn in ấn tài liệu thông tin, tuyên truyền; phục vụ các nhiệm vụ chính trị đột xuất, cấp bách, các phong trào, cuộc vận động lớn tại địa phương; tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về tuyên truyền, cổ động cho cán bộ làm văn hóa, thông tin ở các xã, thị trấn và thực hiện các dịch vụ công ích về tuyên truyền cổ động.

d) Tổ Quản lý thư viện:

Có nhiệm vụ tuyên truyền giới thiệu sách, báo bằng các hình thức thông tin thư mục và hướng dẫn tra cứu, phát huy triệt để nội dung vốn sách, báo phục vụ. Hướng dẫn, giúp đỡ nghiệp vụ cho mạng lưới thư viện, phòng đọc, tủ sách và luân chuyển sách báo cho cơ sở.

Điều 4. Biên chế:

1. Biên chế nhân sự của Trung tâm Văn hóa do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ quyết định trên cơ sở chỉ tiêu biên chế sự nghiệp được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

2. Ngoài biên chế khung được giao hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện cho phép Giám đốc Trung tâm Văn hóa được ký hợp đồng thuê, khoán đối với những công việc không cần thiết bố trí biên chế thường xuyên; ký hợp đồng lao động và các hình thức hợp tác khác theo quy định của pháp luật.

3. Lập kế hoạch biên chế:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng thực tế, Giám đốc Trung tâm Văn hóa xây dựng kế hoạch biên chế hàng năm, trong đó ghi rõ số lượng biên chế cần thiết của đơn vị, yêu cầu về chất lượng, cơ cấu viên chức, thời gian sử dụng.

Chương IV
KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 5. Kinh phí hoạt động:

1. Kinh phí hoạt động của Trung tâm Văn hóa bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước cấp kinh phí: đảm bảo cho các hoạt động theo kế hoạch được duyệt; thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị ứng dụng công nghệ phục vụ sự nghiệp theo kế hoạch năm.

b) Nguồn thu từ các hoạt động nghiệp vụ như: biểu diễn nghệ thuật, các lớp kỹ năng ngành nghề, lớp năng khiếu nghệ thuật, các câu lạc bộ, nhóm sở thích, các hội thi, hội diễn, liên hoan, tổ chức sự kiện, triển lãm, cho thuê đạo cụ, công cụ phục vụ văn hóa nghệ thuật.

2. Chi sự nghiệp:

a) Lương, các khoản phụ cấp lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho công chức, viên chức, người lao động của Trung tâm;

b) Chi quản lý hành chính: vật tư văn phòng, dịch vụ công, thông tin liên lạc, công tác phí…

c) Chi hoạt động nghiệp vụ chuyên môn;

d) Chi các hoạt động có thu phí sự nghiệp;

đ) Chi đầu tư phát triển cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị;

e) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Cơ chế tài chính:

Trung tâm Văn hóa thực hiện việc quản lý tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 113/2007/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính.

Chương V
CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 7. Chế độ làm việc:

1. Giám đốc phụ trách, điều hành các hoạt động của Trung tâm và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Giám đốc phụ trách những lĩnh vực công tác được Giám đốc phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội

dung chuyên môn của Phó Giám đốc khác, Phó Giám đốc phụ trách chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Giám đốc quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Giám đốc khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Giám đốc trực tiếp yêu cầu các viên chức giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Giám đốc, yêu cầu đó được thực hiện nhưng viên chức đó phải báo cáo cho Phó Giám đốc trực tiếp phụ trách biết.

Điều 8. Chế độ sinh hoạt, hội họp:

1. Hàng tuần, Ban Giám đốc Trung tâm họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi họp giao ban, Ban Giám đốc Trung tâm, các Bộ phận nghiệp vụ họp với Phó Giám đốc trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể công chức, viên chức Trung tâm một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng Bộ phận nghiệp vụ có lịch công tác do Ban Giám đốc trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Trung tâm chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Trung tâm.

Điều 9. Mối quan hệ công tác:

1. Đối với Ủy ban nhân dân huyện:

Trung tâm Văn hóa chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm. Giám đốc trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách; phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện về những mặt công tác đã được phân công.

2. Đối với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố:

Trung tâm Văn hóa chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ và phối hợp thực hiện các hoạt động, công tác vì mục đích của ngành. Thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố.

3. Đối với Phòng Văn hóa và Thông tin huyện:

Trung tâm Văn hóa chịu sự quản lý nhà nước của Phòng Văn hóa và Thông tin.

4. Đối với các thiết chế văn hóa tại xã - thị trấn:

Trung tâm Văn hóa hướng dẫn về nghiệp vụ chuyên môn cho các nhà văn hóa các xã - thị trấn.

5. Trung tâm Văn hóa có mối quan hệ phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội trên địa bàn huyện để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Căn cứ Quy chế này, Giám đốc Trung tâm Văn hóa có trách nhiệm cụ thể hóa thành chương trình hoạt động của Trung tâm, tổ chức bộ máy, bố trí viên chức phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ, ban hành nội quy làm việc các Tổ nghiệp vụ và các quy định phục vụ công tác điều hành, bảo đảm thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định.

Điều 11. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền, Giám đốc Trung tâm Văn hóa, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ xem xét, sửa đổi và bổ sung quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Huỳnh Cách Mạng

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 5003/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 9 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt "Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025";

Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Xét Tờ trình số 138/TTr-BQL ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015 có phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi, ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 395/TB-TCT ngày 12 tháng 12 năm 2012; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Tài chính - Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1585/TTr-NNPTNT-TC-KHĐT ngày 20 tháng 8 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015 *(theo nội dung đề án đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Lộc A nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan; Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Lộc A và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A - huyện Bình Chánh có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN
Xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5003/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Phần I
THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ VĨNH LỘC A HUYỆN BÌNH CHÁNH

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG

1. Đặc điểm tự nhiên

Xã Vĩnh Lộc A là xã nằm cuối cánh Bắc của huyện Bình Chánh, cách trung tâm huyện khoảng 12 km về hướng Tây Bắc.

** Ranh giới xã được xác định như sau:*

- Phía Đông giáp phường Bình Hưng Hòa B quận Bình Tân
- Phía Tây giáp xã Phạm Văn Hai
- Phía Nam giáp xã Vĩnh Lộc B
- Phía Bắc giáp xã Xuân Thới Thượng thuộc huyện Hóc Môn

Là xã đang trong quá trình đô thị hóa nhanh, có khu công nghiệp với quy mô lớn và nhiều dự án đang trong quá trình triển khai thực hiện. Đây là điều kiện quan trọng để xã giao lưu phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội theo hướng mở cửa với các xã lân cận cũng như với toàn vùng.

Diện tích tự nhiên là 1.966,32 ha, chiếm 7,79% diện tích tự nhiên của huyện.

2. Dân số

Hiện nay, theo Quyết định số 5379/QD-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về chia tách ấp 1, 2, 3, 4, 5 và ấp 6 thuộc xã Vĩnh Lộc A,

huyện Bình Chánh, xã Vĩnh Lộc A có 15 ấp. Tổng dân số xã Vĩnh Lộc A là 62.877 người. Số người lao động trong độ tuổi lao động là 39.963 người, chiếm tỷ lệ 64,1%.

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ XÃ HỘI

1. Quy hoạch

Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh đã tập trung chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã thực hiện các nội dung quy hoạch, trong đó có xã Vĩnh Lộc A về quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường, phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có.

2. Hạ tầng kinh tế - Xã hội

a) Giao thông

Tổng số tuyến đường và hẻm giao thông nông thôn do xã quản lý có khoảng 150 hẻm và đường trên địa bàn xã với tổng chiều dài khoảng 90 km, trong đó bề rộng mặt đường chủ yếu khoảng 3 - 4 m. Các tuyến đường chủ yếu là đường đá, một số là đường đất nên chất lượng chưa cao.

- Đường trục xã, liên xã khoảng 26.572 mét. Trong đó đã cứng hóa hoặc nhựa hóa: 16.120 mét.

- Đường trục ấp, liên ấp khoảng 14.470 mét. Trong đó đã cứng hóa hoặc nhựa hóa: 3.862 mét.

- Đường ngõ, xóm khoảng 46.404 mét. Các tuyến đường ngắn, nhỏ UBND xã thường xuyên tổ chức vận động nhân dân đóng góp kinh phí sửa chữa, dặm vá tạo điều kiện đi lại trên địa bàn ngõ xóm. Xã không có đường trục chính nội đồng.

b) Thủy lợi

Các kênh rạch chính trên địa bàn xã:

- Kênh Trung Ương: dài 3.212m, rộng 8m

- Kênh Liên Vùng: dài 4.000m, rộng 10m

- Rạch Cầu Suối: dài 2.800m, rộng 7m

- Rạch Cầu Sa: dài 4.500m, rộng 5m.

c) Điện

- Xã có hệ thống điện hạ thế dài 91 km, chủ yếu chạy dọc theo các trục đường chính.

- Xã có 174 trạm biến áp với công suất 90.665 KVA.

- Phần lớn người dân trên địa bàn xã đã sử dụng điện trực tiếp từ lưới điện quốc gia.

d) Trường học

- Khối mầm non: có trường mầm non Hoa Phượng, diện tích 1.594 m^2, gồm điểm chính và 4 điểm phụ. Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có 2 nhóm nhà trẻ tư thục: Ngọc Gia và Thanh Ngân. Hiện tại, trường mầm non Hoa Phượng đã tiến hành mở rộng và xây dựng đạt chuẩn quốc gia.

- Khối tiểu học: có 3 trường, gồm: Trường tiểu học Vĩnh Lộc A, diện tích 3.336 m^2. Trường tiểu học Vĩnh Lộc 1, diện tích 2.502 m^2, gồm điểm chính có diện tích là 1.525m^2 và một điểm phụ. Trường tiểu học Vĩnh Lộc 2 với diện tích 4.474 m^2, gồm điểm chính 3.942 m^2 và một điểm phụ.

- Khối trung học cơ sở: có 2 trường: trường trung học cơ sở Đồng Đen, diện tích 4.500 m^2 và trường trung học cơ sở Vĩnh Lộc A, diện tích 3.361 m^2.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

- Trên địa bàn xã không có trung tâm văn hóa, thể dục thể thao. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao xã chủ yếu tổ chức trong khu vực trường mầm non Hoa Phượng.

- Xã có 1 câu lạc bộ Trung tâm văn hóa liên xã Vĩnh Lộc A (sân bóng đá) và 5 sân bóng mini và một đình Xuân Hòa ở ấp 3, 4 và 1 trung tâm học tập cộng đồng tại ấp 6. Các điểm sinh hoạt văn hóa văn nghệ tại các ấp thường diễn ra tại trụ sở văn phòng ấp hoặc nhà dân.

- Hiện tại, xã có 15 ấp nhưng chỉ có 5 ấp là có trụ sở văn phòng ấp (ấp 1, 3, 4, 5, 6). Riêng tại ấp 2 chưa có trụ sở ấp, hàng tháng phải thuê lại điểm làm việc văn phòng ấp từ hộ dân.

- Ngoài ra, do dân số xã đông nhưng Trụ sở Ủy ban nhân dân xã rất nhỏ và xuống cấp nên phần nào đã ảnh hưởng đến công tác quản lý địa phương.

e) Chợ

Trên địa bàn xã không có chợ để tập trung buôn bán. Hiện nay bà con tiểu thương và người dân có nhu cầu mua bán chỉ tập trung mua bán tại các chợ tự phát

(hiện tại trên địa bàn xã có 4 chợ tự phát tại ấp 1, ấp 3 - 4, ấp 5 và ấp 6). Hiện tại đã xã hội hóa xây dựng chợ tại ấp 4 với diện tích 6.000 m^2.

g) Bưu điện

- Hiện xã có 1 bưu điện xã tại ấp 5 khoảng 700 m^2 và tại mỗi ấp đều có đường truyền Internet. Tuy nhiên đa số người dân tại xã có các hoạt động dịch vụ về thư tín… đều đến bưu điện Vĩnh Lộc nằm trên địa bàn xã Vĩnh Lộc B đối diện Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

Theo thống kê hiện nay, nhà ở của dân tại xã có 10.669 căn nhà ở. Trong đó có 11 chung cư và 10.658 nhà ở riêng lẻ. Nhà ở chia theo diện tích ở bình quân nhân khẩu: 18,09 m^2. Nhà kiên cố và bán kiên cố chiếm 95,9%. Nhà tạm, thiếu kiên cố: 4,1% (khoảng 437 căn).

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất

a) Kinh tế

- Thu nhập bình quân đầu người: 18 triệu đồng/người/năm (là xã có mức thu nhập trung bình của huyện).

- Tỷ lệ hộ nghèo: theo tiêu chí 12 triệu đồng/người/năm là 85 hộ chiếm 0,71% tổng số hộ toàn xã. Công tác chăm lo các đối tượng chính sách, hỗ trợ hộ nghèo luôn được xã quan tâm, giải quyết tốt.

b) Lao động

- Số hộ trên địa bàn xã sản xuất nông nghiệp qua kết quả Tổng điều tra nông nghiệp, nông thôn năm 2011 chỉ còn khoảng 592 hộ, tập trung chủ yếu ở khu vực ấp 3 và ấp 4 (ấp 1: 42 hộ; ấp 2: 73 hộ; ấp 3: 146 hộ; ấp 4: 271 hộ; ấp 5: 36 hộ và ấp 6: 24 hộ).

- Do địa bàn xã có tốc độ đô thị hóa nhanh, mặt khác hoạt động sản xuất nông nghiệp không mang lại hiệu quả cao do người dân chủ yếu còn sản xuất nhỏ lẻ… Chính vì vậy, lao động sản xuất nông nghiệp tại xã có xu hướng để đất trống hoặc chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp sang các hoạt động khác và chuyển sang làm việc trong các ngành nghề phi nông nghiệp.

- Số lao động nông nghiệp trên địa bàn xã thống kê chỉ còn khoảng gần 2.300

lao động, trong đó lao động trong độ tuổi làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp chỉ khoảng gần 850 lao động (chiếm tỷ lệ khoảng 2,5% so với tổng số lao động trong độ tuổi ở xã). Hiện tại xã có 39.963 lao động trong độ tuổi với khoảng 36.000 lao động trong độ tuổi có việc làm (khoảng 90%).

c) Hình thức tổ chức sản xuất

- Trên địa bàn xã hiện có 1.317 doanh nghiệp, cơ sở đăng ký sản xuất kinh doanh. Trong đó, loại hình doanh nghiệp tư nhân là 80; công ty là 215; cơ sở dịch vụ là 1.022 (nhà cho thuê: 541 cơ sở, thu mua phế liệu là 22 cơ sở, cơ sở sản xuất là 98, cơ sở dịch vụ khác: 361).

- Xã có 1 Câu lạc bộ Sinh vật cảnh thu hút 35 thành viên, thường xuyên phối hợp với các đơn vị mở các lớp tập huấn kỹ thuật chăm sóc hoa lan, 2 tổ hợp tác: bò sữa và rau an toàn.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường.

a) Văn hóa - giáo dục

- Về văn hóa: tỷ lệ ấp đạt văn hóa: 3/15 (20%)

- Về giáo dục:

+ Huy động trẻ vào lớp 1: 100%

+ Huy dộng trẻ hoàn thành chương trình tiểu học: 100%

+ Huy động vào Trung học: 89,98%

+ Phổ cập mầm non: 77,91%

+ Phổ cập Tiểu học đúng độ tuổi: 100%

+ Phổ cập Trung học cơ sở: 99,81%

+ Phổ cập Trung học: 73,08%

+ Xóa mù chữ theo quy định của ngành giáo dục: đạt

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 40% (khoảng 15.985 lao động/39.963 lao động)

b) Y tế

- Trạm y tế xã đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia. Ngoài ra, trên địa bàn xã có 1 phòng khám đa khoa tư nhân.

- Tuy nhiên, do nhu cầu dân số quá đông, cần nâng cấp và đầu tư thêm trang

thiết bị và sửa chữa trạm để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân tại địa phương.

- Tỷ lệ người dân tham gia vào các hình thức bảo hiểm y tế đạt khoảng 77% (khoảng 48.839 người/ 62.877).

c) Môi trường

- Hiện trên địa bàn xã có 21 tổ thu gom rác dân lập, đăng ký thu gom rác tại 9.411 hộ dân và 91 điểm ngoài hộ gia đình (các quán ăn, công ty, xí nghiệp). Tỷ lệ thu gom rác đạt khoảng 90%.

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia đạt 100%

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi hợp vệ sinh môi trường: 154 hộ/362 hộ, đạt tỷ lệ 42,54%.

- Năm 2012 theo thống kê trên địa bàn xã có 1.317 doanh nghiệp, cơ sở đăng ký sản xuất kinh doanh. Trong đó, loại hình doanh nghiệp tư nhân là 80; công ty là 215; cơ sở dịch vụ là 1.022 (nhà cho thuê: 541 cơ sở, thu mua phế liệu là 22 cơ sở, cơ sở sản xuất là 98, cơ sở dịch vụ khác: 361).

Số cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường vẫn còn thấp. Số lượng các công ty, doanh nghiệp, cơ sở hoạt động sản xuất trên địa bàn xã có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 147 và 41 không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Ủy ban nhân dân xã thường xuyên tổ chức kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh, cưỡng chế và xử lý hành chánh, tuy nhiên tỷ lệ vi phạm vẫn còn đáng kể.

- Xã không có nghĩa trang. Hiện tại tình hình chôn cất của người dân trên địa bàn chủ yếu tại các nghĩa trang lân cận tại xã Đa Phước, Nghĩa trang Bình Hưng Hòa và tại các mộ tộc trên địa bàn xã.

5. Hệ thống chính trị và tình hình an ninh trật tự - xã hội

a) Hệ thống chính trị của xã

- Số lượng cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách của Ủy ban nhân dân xã được giao năm 2013 là 71 người: trong đó có 24 cán bộ và công chức, 47 cán bộ không chuyên trách. Số lượng cán bộ hiện có tính đến tháng 5 năm 2013 là 11 cán bộ, 12 công chức, 34 cán bộ không chuyên trách.

- Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, công chức xã:

+ Trình độ cao học: không có

+ Trình độ đại học: 14 người

+ Trình độ cao đẳng: không có

+ Trình độ trung cấp: 8 người

- Về trình độ lý luận chính trị của cán bộ, công chức xã :

+ Trình độ đại học: 1 người

+ Trình độ cao cấp: không có

+ Trình độ trung cấp: 13 người

Như vậy, trình độ cán bộ công chức của xã cơ bản đạt chuẩn theo quy định, các chức danh chủ chốt đều đạt trình độ Đại học. Những trường hợp chưa đạt chuẩn, Ủy ban nhân dân xã sẽ có kế hoạch đào tạo, sắp xếp để đạt chuẩn theo quy định.

+ Cán bộ xã đạt chuẩn: đạt. Tuy nhiên trình độ trung cấp chuyên môn còn nhiều.

+ Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định: đạt

+ Đảng bộ xã đạt chuẩn: "Trong sạch vững mạnh": chưa đạt

+ Các đoàn thể chính trị - xã hội đạt chuẩn tiên tiến trở lên: đạt

b) An ninh trật tự xã hội

Hàng năm, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã có Nghị quyết kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh trật tự trật tự an toàn xã hội. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, biện pháp bảo vệ anh ninh trật tự đưa "Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc" đi vào thực tiễn của xã. Hàng năm có nhiều tập thể, cá nhân tiêu biểu làm điển hình phong trào.

Tuy nhiên do ảnh hưởng của kinh tế thị trường, do tốc độ đô thị hóa nhanh, dân số đông còn nhiều vấn đề về tệ nạn xã hội chưa được giải quyết triệt để như: cờ bạc, cà phê trá hình, không đăng ký kinh doanh… vẫn còn xảy ra nhiều hoạt động vi phạm pháp luật, tội phạm và tệ nạn xã hội với mức độ hoạt động ngày càng tinh vi.

Phần II
NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ VĨNH LỘC A - HUYỆN BÌNH CHÁNH ĐẾN NĂM 2015

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng xã Vĩnh Lộc A trở thành xã nông thôn mới thời kỳ Công nghiệp hóa

- Hiện đại hóa, thể hiện các đặc trưng: có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao; có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ… nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở xã thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Xây dựng xã Vĩnh Lộc A trở thành xã nông thôn mới theo phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực và do cộng đồng địa phương làm chủ.

2. Mục tiêu cụ thể

Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới theo từng giai đoạn cụ thể:

+ Năm 2012 đạt 6/19 tiêu chí (Tiêu chí 4, 8, 11, 12, 13, 15);

+ Năm 2013: phấn đấu đạt 9/19 tiêu chí (thêm 3 tiêu chí: 1, 3, 18);

+ Năm 2014: phấn đấu đạt 15/19 tiêu chí (thêm 6 tiêu chí: 5, 6, 7, 14, 16, 19);

+ Năm 2015: phấn đấu đạt 19/19 tiêu chí (đạt thêm 4 tiêu chí: 2, 9, 10, 17).

* Nội dung thực hiện cụ thể:

- Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch hạ tầng kinh tế xã hội, khu dân cư (giúp cho người dân ổn định sản xuất, đảm bảo cho người dân có nơi đổ rác thải đúng quy định, chỉnh trang khu dân cư, cải thiện bộ mặt nông thôn).

- Thu nhập bình quân đầu người năm đạt từ 1,5 đến hơn 1,8 lần so với khi xây dựng đề án (tối thiểu đến năm 2015, thu nhập bình quân/đầu người đạt 37 triệu đồng).

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - Thương mại - dịch vụ, nông nghiệp.

- Lao động qua đào tạo nghề trên tổng số lao động đang làm việc đạt trên 70%. (trong đó 40% lao động nữ). Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm thường xuyên đạt 90%.

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh.

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản. Các tuyến đường từ xã tới các ấp được nhựa hóa 100% trục nối giữa các ấp, tổ trong ấp, liên tổ được cứng hóa không lầy lội vào mùa mưa.

- Hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống các trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học.

- Xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn với trên 70% ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa;

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%; cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường;

- Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng, hoạt động của các hội, đoàn thể thông qua việc vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

- Hoạt động của Đảng bộ, chính quyền và tổ chức đoàn thể chính trị đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh và từ tiên tiến trở lên. An ninh trật tự xã hội luôn được giữ vững.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Quy hoạch

a) Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 1 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện: Việc quy hoạch xây dựng nông thôn mới phải theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của liên Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xã nông thôn mới.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn

a) Giao thông

- Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

Bên cạnh nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách thành phố, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã sẽ chú trọng công tác huy động nguồn lực từ cộng đồng để phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng trong công tác phát triển hạ tầng cơ sở đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương.

+ Số mét đường trục xã, liên xã cần đầu tư nâng cấp láng nhựa: 10.452 mét

+ Số mét đường trục ấp, liên ấp cần đầu tư láng nhựa hoặc bê tông hóa: 10.628 mét

+ Các tuyến đường ngõ xóm, hẻm: nâng cấp một số tuyến đường ngõ xóm thiết yếu với chiều dài 6.293 mét. Đồng thời Ủy ban nhân dân xã tiếp tục vận động nhân dân đóng góp để sửa chữa nhỏ, dặm vá do các tuyến hẻm, ngõ xóm có chiều dài ngắn và bề rộng nhỏ.

b) Thủy lợi

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

Nạo vét các rạch:

▪ Một phần rạch Cầu Suối (dài 2.800m)

▪ Rạch N2 (dài 2.000 m)

▪ Rạch N4 (dài 500 m)

c) Điện

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Chủ động phối hợp với ngành điện kiểm tra và xử lý triệt để các trường hợp xây dựng lấn chiếm hành lang an toàn lưới điện. Phối hợp với ngành điện khảo sát nhu cầu sử dụng điện phục vụ sản xuất của các hộ dân trên địa bàn xã (nuôi bò, nuôi heo, nuôi cá, trồng rau…) để gắn mới điện kế sản xuất để giúp nông dân mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp. Đồng thời cải tạo nâng cấp lưới điện 1 pha lên 3 pha.

+ Vận động nhân dân đóng góp lắp đặt thêm hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên các tuyến đường do xã quản lý, đồng thời kiến nghị Công ty chiếu sáng công cộng thành phố sửa chữa hệ thống đèn công cộng, đảm bảo an ninh dọc các tuyến đường chính, các khu vực phức tạp trên địa bàn xã.

d) Trường học

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện: Ngoài việc đầu tư trường lớp theo quy hoạch, hiện tại Trường Mầm non Hoa Phượng đã tiến hành mở rộng và đầu tư đạt chuẩn. Cần đầu tư nâng cấp, sửa chữa và xây thêm phòng học tại các trường: Tiểu học Vĩnh Lộc 1, tiểu học Vĩnh Lộc 2, tiểu học Vĩnh Lộc A hiện hữu (bằng nguồn vốn nông thôn mới). Đồng thời đầu tư xây mới thêm các trường: Mầm non Vĩnh Lộc A, Tiểu học Vĩnh Lộc A, THCS Vĩnh Lộc A (bằng nguồn vốn ngân sách tập trung).

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân xã.

+ Xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao xã.

+ Nâng cấp mở rộng 5 văn phòng ấp đang hoạt động

+ Xây dựng mới 10 trụ sở văn phòng các ấp mới chia tách ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp. Hiện tại xã đã xác định vị trí dự kiến để xây dựng các trụ sở ấp mới tách.

+ Nâng cấp 5 trạm phát thanh và xây mới 8 trạm

e) Chợ nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện: Hướng sắp tới, để đáp ứng cho nhu cầu phát triển lâu dài, xã cần phải có định hướng quy hoạch chợ hoặc trung tâm thương mại. Tuy nhiên, trước mắt xã cần có chủ trương khuyến khích vận động xã hội hóa việc xây chợ dân lập nhằm quy tụ các tiểu thương buôn bán vào nơi ổn định. Bên cạnh đó, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư siêu thị, những cửa hàng bán lẻ nông sản thực phẩm, tạo hành lang thương mại nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân theo hướng văn minh, hiện đại.

g) Bưu điện

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện: nâng cấp bưu điện tại ấp 5.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xử lý triệt để việc xóa nhà tạm bợ đối với những trường hợp vi phạm. Đối với hộ nghèo, cần vận động xây dựng nhà tình thương để hỗ trợ cho người nghèo; tăng cường công tác tuyên truyền, xử lý các vi phạm về xây dựng nhà ở, chỉnh trang các khu nhà ở thuộc dân cư nông thôn hiện hữu và phát triển nhà ở nông thôn tại các khu vực quy hoạch đất theo quy hoạch.

Đối với nhà thiếu kiên cố và nhà tạm "hợp pháp", xã và các đoàn thể cần có những chính sách, vận động doanh nghiệp, mạnh thường quân hỗ trợ cho những hộ gia đình khó khăn chỉnh trang nhà cửa, trao tặng nhà tình thương, tình nghĩa… để tạo điều kiện cho họ có điều kiện vươn lên trong cuộc sống.

Đối với những nhà tạm vi phạm trật tự xây dựng, Ủy ban nhân dân xã xử lý cụ thể, hiệu quả để xóa nhà tạm, đảm bảo việc chấp hành nghiệm chỉnh pháp luật, nâng cao công tác quản lý đất đai trên địa bàn xã.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức

a) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nâng cao thu nhập

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Hướng dẫn người dân sản xuất sản phẩm có lợi thế theo hướng thị trường và hàng hóa. Nhà nước hỗ trợ đầu tư để phát triển ngành hàng đó thành sản phẩm hàng hóa của địa phương.

+ Tạo điều kiện thuận lợi và định hướng phát triển các loại hình tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ để phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập.

b) Giảm nghèo và an sinh xã hội

- Mục tiêu: Đảm bảo yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

- Nội dung thực hiện:

+ Phát triển mạng lưới tín dụng cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân có thể huy động vốn vào phát triển kinh tế.

+ Tăng cường thực hiện chức năng của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần đảm bảo các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước thực sự hỗ trợ được người nghèo và các đối tượng chính sách.

c) Tỷ lệ lao động có việc làm

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Địa phương liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề trên địa bàn huyện và với các doanh nghiệp nhằm có định hướng đào tạo công nhân kỹ thuật để giải quyết lao động.

+ Đào tạo nghề cấp chứng chỉ, tập huấn kỹ thuật sản xuất cho nông dân, kỹ năng khuyến nông cho cán bộ khuyến nông cơ sở, nông dân giỏi.

d) Hình thức tổ chức sản xuất

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tuyên truyền vận động nông dân tham gia vào các tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Phấn đấu thành lập ít nhất thêm 2 tổ hợp tác trong chăn nuôi heo và một số ngành nghề khác hoạt động có hiệu quả bên cạnh 2 tổ hợp tác nuôi bò sữa và trồng rau an toàn.

+ Hỗ trợ về thông tin thị trường và xúc tiến thương mại; tạo điều kiện cho người dân tiếp cận và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh, nhằm tăng năng suất chất lượng sản phẩm.

4. Giáo dục, y tế, văn hóa và môi trường

a) Giáo dục

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xã phối hợp với các đoàn thể nắm bắt các trường hợp trẻ em bỏ học và kịp thời có sự hỗ trợ, động viên các em đến trường. Đảm bảo 100% trẻ em trong độ tuổi đến trường được học tập. Đồng thời, vận động các nguồn tài trợ để nâng cao số lượng và chất lượng các suất học bổng khuyến học giành cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn và có thành tích học tốt.

+ Quan tâm đào tạo nghề cho người lao động, dưới nhiều hình thức và ngành nghề phù hợp với đặc thù địa phương.

+ Phân nguồn lao động trên địa bàn xã thành 3 nhóm và đưa ra những hình thức đào tạo cụ thể cho từng nhóm lao động: nhóm chuyển dịch lao động ra khỏi sản xuất nông nghiệp; nhóm lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và nhóm là chủ các doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã. Bên cạnh việc đào tạo theo trường lớp cần mở rộng hình thức trao đổi, đối thoại, giao lưu giữa các tổ ngành nghề với doanh nghiệp.

b) Y tế

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện Chỉ thị số 06/CT-TW về củng cố, tăng cường và hoàn thiện mạng

lưới y tế cơ sở; phát triển mạng lưới nhân viên sức khoẻ cộng đồng; phát huy vai trò mạng lưới y tế cơ sở trong chăm sóc y tế cho người nghèo.

+ Hỗ trợ các hình thức bảo hiểm y tế theo quy định.

c) Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Đẩy mạnh, tăng cường công tác tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của cán bộ hội, đoàn thể của xã và nhân dân về ý nghĩa của phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", làm cho phong trào càng phát triển sâu rộng, góp phần làm chuyển biến tích cực đến đời sống kinh tế, xã hội trên địa bàn.

+ Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12 tháng 8 năm 1998 của Bộ Chính trị và quy chế thực hiện văn minh trong tiệc cưới, lễ tang, lễ hội… Thực hiện tốt chính sách về người nghèo…

+ Triển khai dần từng bước nâng cao chất lượng các phong trào: gia đình văn hóa, ấp văn hóa, gương người tốt, việc tốt.

+ Phấn đấu tỷ lệ số ấp đạt chuẩn ấp văn hóa từ 80% trở lên, gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa đạt 90% trở lên (xã có 15 ấp).

d) Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tích cực phối hợp với các ngành của huyện, cũng như chủ động kiểm tra tại các cơ sở, doanh nghiệp có nghi vấn về hoạt động gây ô nhiễm môi trường. Giám sát chặt chẽ việc chấp hành pháp luật của các cơ sở, doanh nghiệp đã bị xử lý hành chính về pháp luật môi trường. Tiếp tục kiểm tra và xử lý kiên quyết đối với các điểm kinh doanh phế liệu trái phép trên địa bàn của xã.

+ Thường xuyên làm việc các tổ thu gom rác dân lập, chấn chỉnh ngay tình trạng thu gom rác không đảm bảo thời gian, không đảm bảo vệ sinh trong quá trình thu và vận chuyển. Đối với các tổ đã nhiều lần nhắc nhở nhưng không có sự chuyển biến thì chấm dứt hợp đồng, chuyển giao cho tổ khác.

+ Chuyển các trại chăn nuôi tập trung, cơ sở ngành nghề gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư; khuyến khích xây dựng hầm biogas, mỗi ấp có 1 tổ chức thu gom, xử lý rác thải tại khu tập trung.

+ Rà soát các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất vi phạm quy định ngành nghề, sản xuất ô môi trường, tăng cường công tác kiểm tra và có biện pháp xử lý hữu hiệu đối với các vi phạm về môi trường, thường xuyên tuyên truyền, vận động cộng đồng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, rác thải và hướng dẫn các cơ sở đăng ký bảo vệ môi trường theo qui định.

+ Lắp đặt hệ thống thùng rác công cộng và vận động hộ dân cùng với chính quyền trồng cây xanh trên các tuyến đường, khu dân cư…

5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội

a) Củng cố, nâng cao chất lượng và vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức đảo tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức đạt chuẩn để không ngừng đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Cán bộ xã đạt chuẩn phải dảm bảo tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã và phải hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 và Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012.

+ Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã; Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "Trong sạch, vững mạnh"; Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên theo quy định của từng tổ chức.

+ Thực hiện các chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở các xã để nhanh chóng chuẩn hoá đội ngũ cán bộ xã;

+ Hoàn thiện bộ máy chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới, tiếp tục đổi mới thiết chế dân chủ cơ sở, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở nông thôn. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng đội ngũ cán bộ địa phương có đủ kiến thức, năng lực và phẩm chất đạo đức để vận hành tốt nhiệm vụ.

b) An ninh chính trị và trật tự xã hội nông thôn

- Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Triển khai và thực hiện tốt một số chỉ tiêu theo Kế hoạch số 757/KH-CABC

ngày 30 tháng 5 năm 2011 về công tác của Công an huyện Bình Chánh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

+ Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước ở địa phương và vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, giải quyết tốt khiếu nại tố cáo, không xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người hoặc xảy ra điểm nóng.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

A. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, dự kiến: 645.577 triệu đồng, gồm:

1. Vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản: 598.977 triệu đồng (chiếm 92,7%)

2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 46.600 triệu đồng (chiếm 7,3%)

B. Nguồn vốn

1. Vốn từ Ngân sách nhà nước: 531.297 triệu đồng (chiếm 82,29%), trong đó:

+ Vốn nông thôn mới: 218.197 triệu đồng;

+ Vốn lồng ghép: 313.100 triệu đồng:

* Vốn tập trung: 290.000 triệu đồng;

* Vốn phân cấp huyện: 0 triệu đồng;

* Vốn sự nghiệp: 23.100 triệu đồng.

2. Vốn cộng đồng: 107.280 triệu đồng (chiếm 16,61%), trong đó:

+Vốn dân: 91.280 triệu đồng

+ Vốn doanh nghiệp: 16.000 triệu đồng

3. Vốn tín dụng: 7.000 triệu đồng (chiếm 1,1%)

* Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến hết năm 2015.

2. Quy mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

a) Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

b) Quản lý đầu tư và xây dựng:

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Vận dụng theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020.

4. Phân công thực hiện

a) Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Lộc A

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các Phòng, ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Lộc A xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2013 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

b) Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Vĩnh Lộc A huyện Bình Chánh chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và thành phố do Sở ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Lộc A triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Bình Chánh và xã Vĩnh Lộc A; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Lộc A cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2013 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Vĩnh Lộc A.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới Vĩnh Lộc A, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Vĩnh Lộc A.

c) Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5006/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 9 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt "Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025";

Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Xét Tờ trình số 59/TTr-BQL ngày 22 tháng 8 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015 có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi, ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 340/TB-TCT-PTNT ngày 07 tháng 11 năm 2013; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số 1682/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 30 tháng 8 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015 *(theo nội dung đề án đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi,

Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phú Hòa Đông nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan; Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phú Hòa Đông và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phú Hòa Đông - huyện Củ Chi có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Xây dựng nông thôn mới xã Phú Hòa Đông,
huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5006/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Phần I
THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ PHÚ HÒA ĐÔNG - HUYỆN CỦ CHI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG

1. Đặc điểm tự nhiên

Xã Phú Hòa Đông nằm về phía Đông Bắc huyện Củ Chi và cách địa bàn giáp ranh với tỉnh Bình Dương 5km.

Có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp xã Trung An;

- Phía Tây giáp xã Phạm Văn Cội, Nhuận Đức;

- Phía Nam giáp xã Tân Thạnh Tây, Phước Vĩnh An;

- Phía Bắc giáp tỉnh Bình Dương, xã Phạm Văn Cội.

Diện tích tự nhiên: 2.178,58 ha. Xã được chia thành 12 ấp, gồm: ấp Bến Cỏ, ấp Phú Bình, ấp Phú An, ấp Phú Lợi, ấp Chợ, ấp Phú Trung, ấp Phú Thuận, ấp Phú Mỹ, ấp Phú hòa, ấp Cây Trâm, ấp Phú Hiệu, ấp Cây Trắc.

2. Dân số

- Dân số toàn xã là 22.411 nhân khẩu, 5.709 hộ gia đình, mật độ dân số bình quân 1.029 người/km^2. Cơ cấu dân của xã có 448 người thuộc dân tộc khác và 21.963 người Kinh.

- Số người trong độ tuổi lao động 12.384 chiếm tỷ lệ tương đối cao là 55,26% dân số, phân đều ra các lĩnh vực lao động, chủ yếu lao động trong lĩnh vực nông

nghiệp với 4.830 lao động chiếm 39%, lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp với 3.963 lao động chiếm 32% còn lại là trong lĩnh vực dịch vụ là 3.591 lao động chiếm 29%; qua đó cho thấy được nguồn lao động rất dồi dào và tham gia chủ yếu vào lĩnh vực phi nông nghiệp. Số người dưới và ngoài độ tuổi lao động với tỷ lệ tương đối 61%.

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ XÃ HỘI

1. Quy hoạch

Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi đã phê duyệt quy hoạch sử dụng đất tại xã Phú Hòa Đông đến năm 2020, đang thực hiện quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội môi trường theo chuẩn mới giai đoạn 2010 - 2015 tầm nhìn 2020 đồng thời đang thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013 - 2015 theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT.

2. Hạ tầng Kinh tế - Xã hội

a) Giao thông

Hiện tại trên địa bàn xã có các tuyến đường giao thông, tổng chiều dài 94,073 km, trong đó:

- Đường trục xã, liên xã: 25,26 km, trong đó nhựa hóa được 24,16 km đạt 95,64%.

- Đường trục ấp, liên ấp: 6 km, trong đó đã được bê tông nhựa nóng, cứng hóa 1,18 km, đạt 19,66%;

- Đường ngõ, xóm: với 134 tuyến tổng chiều dài 54,613 km, trong đó đi lại thuận tiện 43,763 km đạt 80,13%.

- Đường nội đồng: với 7 tuyến tổng chiều dài 6km, thuận tiện đi lại là 100%.

b) Thủy lợi

Tổng số kênh mương của xã là 51 tuyến, chiều dài 87,74km, mặc dù đảm bảo được việc cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp của xã nhưng hầu như các tuyến kinh, mương này đều có nhu cầu nạo vét khai thông dòng chảy. Đặc biệt là tuyến rạch Láng The cần nạo vét và gia cố bờ nhằm phục vụ cho dự án quy hoạch khu du lịch sinh thái đã được Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi thông qua.

c) Điện

Toàn xã có 66,33 km đường dây hạ thế, 34,424 km đường dây trung thế, 75 trạm biến ấp công suất 11.089KVA đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và sinh hoạt cho nhân dân.

d) Trường học

Tổng số trường học là 4 (gồm 1 trường mầm non Phú Hòa Đông; 2 trường tiểu học là Phú Hòa Đông 1 và Phú Hòa Đông 2; 1 trường Trung học cơ sở Phú Hòa Đông) với 1899 học sinh.

+ Trường Mầm non Phú Hòa Đông: đã xây mới đạt chuẩn quốc gia.

+ Trường Tiểu học Phú Hòa Đông 1: đang xuống cấp, chưa đạt chuẩn và cần nâng cấp để đạt chuẩn quốc gia.

+ Trường Tiểu học Phú Hòa Đông 2: đang xuống cấp, chưa đạt chuẩn và cần nâng cấp để đạt chuẩn quốc gia.

+ Trường Trung học cơ sở Phú Hòa Đông: đạt chuẩn theo tiêu chí quốc gia.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

Nhiều năm qua, phong trào văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao của xã luôn là thế mạnh. Tuy nhiên, do không có nhà văn hóa, không có khu vui chơi, không có hội trường đáp ứng nhu cầu thực tế để tổ chức sinh hoạt vui chơi cho nhân dân. Hiện tại trên xã có 1 khu thể thao, nằm trên địa bàn ấp Phú Mỹ nhưng không đủ phục vụ nhu cầu của người dân.

e) Chợ

Hiện xã có 1 chợ nông thôn diện tích 500m2 còn chật hẹp và đang xuống cấp cần được nâng cấp, sửa chữa.

g) Bưu điện

Xã có 1 bưu điện văn hóa và phục vụ tương đối tốt nhu cầu của người dân tuy nhiên hướng tới cần nâng cấp cơ sở vật chất mở rộng quy mô gắn với việc xây dựng thư viện để phục vụ tốt hơn nhu cầu người dân.

Đường truyền internet được trải rộng đến từng ấp, do đó người dân nơi đây rất thuận lợi trong việc liên lạc, nắm bắt và trao đổi thông tin.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

- Trong xã có 5.522 căn trong đó đạt chuẩn 100%, không có nhà tạm dột nát. Tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố 100%.

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất

a) Kinh tế

Trong cơ cấu kinh tế của xã, ngành thương mại - dịch vụ chiếm tỷ trọng khá lớn trong nền kinh tế của xã. Đời sống nhân dân ngày càng được phát triển, thị trường mua bán của xã ngày càng trở nên sôi động, đến nay toàn xã có 803 hộ làm thương nghiệp, dịch vụ. Thương mại - dịch vụ chiếm 51%, ngành nông nghiệp 34%, ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp 15% trong cơ cấu kinh tế của xã.

- Thu nhập bình quân đầu người: 21,5 triệu đồng/người/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo: **theo tiêu chí 12 triệu đồng/người/năm là 1018 hộ chiếm 17,8%** tổng số hộ toàn xã.

b) Lao động

- Số lao động trong độ tuổi: là 12.384 người chiếm 55,26%;

- Tỷ lệ lao động được đào tạo chuyên môn: trong 6.653 lao động của xã đạt 53,72%.

- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi lao động có việc làm là 11.145 lao động đạt 90%.

c) Hình thức tổ chức sản xuất

Hiện nay tại địa bàn xã có 2 hợp tác xã, 7 tổ hợp tác trong đó tổ hợp tác hoa lan rất thành công. Hiện trên địa bàn xã có 21 doanh nghiệp và 1071 hộ kinh doanh cá thể với làng nghề chuyên sản xuất bánh tráng xuất khẩu đang trên đà phát triển thuận lợi và ổn định.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường

a) Văn hóa - giáo dục

- Năm 2012 xã có 07/12 ấp được công nhận đạt chuẩn ấp văn hóa, đạt tỷ lệ 58,3%. Số hộ dân được công nhận là hộ gia đình văn hóa đạt tỷ lệ 88%.

- Về công tác phổ cập giáo dục cụ thể như sau:

+ Tỷ lệ đạt chuẩn xóa mù chữ: đạt 100%;

+ Tỷ lệ học tiểu học đúng độ tuổi: đạt 100%;

+ Tỷ lệ phổ cập phổ thông trung học: đạt 90%;

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo: đạt 53,72%;

+ *Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)* trong năm 2012 là 98,59%.

b) Y tế

- Trong năm 2012 đã khánh thành và đưa vào sử dụng trạm y tế đạt chuẩn quốc gia. Thường xuyên phối hợp với các đoàn thể y tế cộng dồng và ban nhân dân ấp thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia tiêm chủng phòng ngừa các loại bệnh đạt 100%, tiếp nhận các đoàn y bác sĩ của các bệnh viện thành phố về cấp thuốc, khám bệnh miễn phí cho người dân thuộc diện chính sách và hộ nghèo.

- Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế 13.671 người (chiếm tỷ lệ 70%).

c) Môi trường

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: đạt 100%;

- Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn: trong những năm trở lại đây, đời sống của người dân được nâng cao, nhu cầu xây dựng nhà ở ngày càng nhiều nên có 94% số hộ đều đủ 3 công trình kể trên.

- Xử lý chất thải: có 3.400 số hộ có đăng ký thu gom rác đạt 59,6% (dân lập và thu gom rác công cộng), 70% số hộ có cơ sở chăn nuôi chuồng trại hợp vệ sinh.

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã đạt tiêu chuẩn về môi trường: đạt 100%.

- Hiện trên địa bàn có 2 nghĩa trang đã được quy hoạch.

5. Hệ thống chính trị và tình hình an ninh trật tự - xã hội

a) Hệ thống chính trị của xã

- Đảng bộ xã không đạt trong sạch vững mạnh. Phấn đấu hoàn thành vào năm 2012. Có đầy đủ các tổ chức chính trị - xã hội. Các tổ chức hoạt động ổn định. Đảng bộ xã có 321 đảng viên.

- Số lượng cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách của Ủy ban nhân dân xã được giao năm 2013 là 40 người.

b) An ninh trật tự xã hội

Do có sự chỉ đạo xuyên suốt từ cấp ủy Đảng đến chính quyền xã, tình hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn, xã hội luôn giữ được ổn định, đặc biệt là bảo vệ tốt các ngày lễ, kỷ niệm trong năm, tạo điều kiện cho kinh tế phát triển. Số vụ tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện của người dân được giải quyết kịp thời, những năm gần đây không còn các vụ khiếu kiện tập thể. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc được tăng cường, công tác đấu tranh phòng chống tội phạm được ngăn chặn và xử lý kịp thời, xây dựng mạng lưới an ninh cơ sở hoạt động có hiệu quả. Chương trình mục

tiêu 3 giảm tiếp tục đẩy mạnh góp phần làm giảm các vụ tội phạm, ma túy, mại dân, các tệ nạn xã hội không xảy ra các vụ trọng án trên địa bàn.

Phần II
NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ PHÚ HÒA ĐÔNG - HUYỆN CỦ CHI ĐẾN NĂM 2015

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu chung

- Tập trung phát triển ngành chăn nuôi, trồng trọt mang lại hiệu quả kinh tế cao như: về chăn nuôi, tập trung chăn nuôi heo (trong đó phải giảm heo thịt, tăng heo nái, đó là phương pháp tăng giá trị sản phẩm nhưng không tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường), kết hợp với phát triển đàn bò sữa và trồng trọt các loại cây như: rau an toàn, hoa lan, cây kiểng.

- Tập trung mở rộng và nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn nhằm kích thích, thu hút đầu tư, giải quyết việc làm, tạo điều kiện cho công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại phát triển. Tập trung đào tạo nghề cho lao động nông thôn phù hợp với yêu cầu của thị trường, công ty, xí nghiệp để giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho người dân trên địa bàn xã.

2. Mục tiêu cụ thể

* Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới theo từng giai đoạn cụ thể:

- Năm 2012: có 8/19 tiêu chí đạt chuẩn (4, 8, 9, 12, 13, 15, 18, 19).

- Năm 2013: phấn đấu đạt 12/19 tiêu chí đạt chuẩn (thêm 4 tiêu chí: 1, 7, 16, 17).

- Năm 2014: phấn đấu đạt 14/19 tiêu chí đạt chuẩn (thêm 2 tiêu chí: 3, 5).

- Năm 2015: phấn đấu đạt 19/19 tiêu chí đạt chuẩn (thêm 5 tiêu chí: 2, 6, 10, 11, 14).

* Nội dung thực hiện cụ thể:

- Hoàn thành công tác quy hoạch (quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch nông thôn mới).

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản.

- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học.

- Thu nhập bình quân đầu người/năm tăng gấp từ 1,5 - 1,8 lần so với khi xây dựng đề án.

- Cơ cấu lao động trong lĩnh vực nông nghiệp giảm dần.

- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm đến năm 2015 trên 90%.

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm bình quân trên 3%/năm đề đến 2015 giảm hộ nghèo còn dưới 2%.

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi.

- Duy trì và phát triển đời sống văn hóa ở nông thôn với 12/12 ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 80% trở lên.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Quy hoạch

a) Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 01 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện: Việc quy hoạch xây dựng nông thôn mới thực hiện theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của liên Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xã nông thôn mới.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn

a) Giao thông

- Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Đường giao thông trục xã: mở rộng, nâng cấp 1 tuyến đường từ nền đất lên láng nhựa với chiều dài 1,1km.

+ Đường giao thông trục ấp, liên ấp: mở rộng, nâng cấp 3 tuyến đường từ nền cấp phối sỏi đỏ lên láng nhựa với chiều dài: 4,82km.

+ Đường giao thông ngõ, xóm: mở rộng nâng cấp các tuyến đường từ nền đất lên cấp phối sỏi đỏ với tổng chiều dài 10,85km.

+ Kiên cố hóa kênh tiêu thoát nước cặp đường Cây Bài 0,8km.

b) Thủy lợi

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện: Nạo vét, đắp bờ bao kênh Láng The, kênh 1, 2, 3 với tổng chiều dài 6,4km.

c) Điện

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện: đã hoàn thành.

d) Trường học

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xây mới Trường Tiểu học Phú Hòa Đông 2.

+ Nâng cấp Trường Tiểu học Phú Hòa Đông 1.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Cải tạo nâng cấp 4 văn phòng ấp.

+ Xây dựng mới 8 văn phòng ấp.

+ Xây mới 1 khu thể thao xã ở ấp Phú Mỹ.

e) Chợ nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện: nâng cấp, sửa chữa chợ.

g) Bưu điện

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện: Không cần nâng cấp hay sửa chữa.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện: vay tín dụng để chỉnh trang lại nhà ở.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức

a) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nâng cao thu nhập

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Nông nghiệp: với những tiềm năng, lợi thế và những điều kiện cụ thể sản xuất ở địa phương, xác định các sản phẩm mũi nhọn: hoa lan, cây kiểng; đàn bò sữa, duy trì đàn heo,... cần tập trung đầu tư tạo ra khối lượng hàng hóa đạt giá trị cao.

+ Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Phát triển mạnh những làng nghề bánh tráng, Bên cạnh đó cần có những hỗ trợ cho làng nghề bánh tráng như chính sách ưu đãi về thuế, được hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ lãi vay của thành phố. Tổ chức tập huấn kỹ thuật, vận động tư vấn tham gia mở rộng hợp tác xã.

+ Thương mại - Dịch vụ: mục tiêu trọng tâm là phát triển mô hình du lịch sinh thái kết hợp mô hình trồng hoa lan, cây kiểng; cây ăn trái dọc sông Sài Gòn…

b) Giảm nghèo và an sinh xã hội

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

- Nội dung thực hiện:

+ Tiếp tục thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội; hỗ trợ người lao động mất việc làm trong doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế; hỗ trợ kinh phí xóa nhà dột nát cho người nghèo, khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi…

+ Tăng cường thực hiện chức năng của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần đảm bảo các chính sách an sinh xã hội của nhà nước, hỗ trợ người nghèo và đối tượng chính sách.

c) Tỷ lệ lao động có việc làm

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Đào tạo nghề cấp chứng chỉ, tập huấn kỹ thuật sản xuất cho nông dân, kỹ năng khuyến nông cho cán bộ khuyến nông cơ sở, nông dân giỏi.

+ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề, với các doanh nghiệp, có định hướng ngành nghề phù hợp nhằm giải quyết được việc làm sau đào tạo.

+ Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ cho cán bộ các loại hình kinh tế tập thể.

d) Hình thức tổ chức sản xuất

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tuyên truyền, vận động nhằm giúp người nông dân nắm bắt được chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể.

+ Bồi dưỡng, đào tạo: các chức danh tổ trưởng tổ hợp tác, chủ nhiệm, ban quản trị phải được nâng cao về năng lực quản lý.

+ Hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu như trang thiết bị phục vụ thông tin liên lạc, đào tạo, trao đổi, cập nhật thông tin (điện thoại, máy fax, máy vi tính, máy in).

+ Hỗ trợ để mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức kinh tế Tổ hợp tác, Hợp tác xã thông qua:

* Hỗ trợ điều kiện sản xuất như kho chứa, nhà sơ chế - bảo quản, công nghệ, thực hiện chế biến nông sản.

* Hỗ trợ kỹ thuật: tạo điều kiện cho xã viên tiếp cận và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh, nhằm tăng năng suất chất lượng sản phẩm và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần.

* Hỗ trợ về thông tin thị trường và xúc tiến thương mại.

* Tham quan học tập mô hình sản xuất hiệu quả.

4. Giáo dục, y tế, văn hóa và môi trường

a) Giáo dục

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xã phối hợp với các đoàn thể nắm bắt các trường hợp trẻ em bỏ học và kịp thời có sự hỗ trợ, động viên các em đến trường. Đảm bảo 100% trẻ em trong độ tuổi đến trường được học tập. Đồng thời, vận động các nguồn tài trợ để nâng cao số lượng và chất lượng các suất học bổng khuyến học giành cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn và có thành tích học tốt.

+ Quan tâm đào tạo nghề cho người lao động, dưới nhiều hình thức và ngành nghề phù hợp với đặc thù địa phương.

+ Phân nguồn lao động trên địa bàn xã thành 3 nhóm và đưa ra những hình thức đào tạo cụ thể cho từng nhóm lao động: nhóm chuyển dịch lao động ra khỏi sản xuất nông nghiệp; nhóm lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và nhóm là chủ các doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã. Bên cạnh việc đào tạo theo trường lớp cần mở rộng hình thức trao đổi, đối thoại, giao lưu giữa các tổ ngành nghề với doanh nghiệp.

b) Y tế

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW về củng cố, tăng cường và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; phát triển mạng lưới nhân viên sức khoẻ cộng đồng; phát huy vai trò mạng lưới y tế cơ sở trong chăm sóc y tế cho người nghèo.

+ Hỗ trợ các hình thức bảo hiểm y tế theo quy định.

c) Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Đẩy mạnh, tăng cường công tác tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của cán bộ hội, đoàn thể của xã và nhân dân về ý nghĩa của phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", làm cho phong trào càng phát triển sâu rộng, góp phần làm chuyển biến tích cực đến đời sống kinh tế, xã hội trên địa bàn.

+ Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12 tháng 8 năm 1998 của Bộ Chính trị và quy chế thực hiện văn minh trong tiệc cưới, lễ tang, lễ hội … Thực hiện tốt chính sách về người nghèo…

+ Triển khai dần từng bước nâng cao chất lượng các phong trào: gia đình văn hóa, ấp văn hóa, gương người tốt, việc tốt.

d) Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân thực hiện tốt các quy định về vệ sinh môi trường và phòng chống ô nhiễm môi trường sản xuất (nông nghiệp và ngành nghề nông thôn). Thường xuyên thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường trên địa bàn xã và có kế hoạch giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường.

+ Đẩy mạnh công tác kiểm tra môi trường, kịp thời phát hiện những yếu tố gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe người dân, đặc biệt là lao động và đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất theo hướng sạch, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Vận động triển khai tổ chức "Hội thi môi trường Xanh - Sạch - Đẹp", kết hợp trồng cây xanh trên các trục đường đã được quy hoạch trên quy mô xã.

+ Tuyên truyền về nước sạch và vệ sinh môi trường trong cộng đồng dân cư và vận động nhân dân định kỳ tổng vệ sinh trên địa bàn toàn xã.

5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội

a) Củng cố, nâng cao chất lượng và vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở;

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức đạt chuẩn để không ngừng đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã và phải hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 và Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012.

+ Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã; Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "Trong sạch, vững mạnh"; Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên theo quy định của từng tổ chức.

+ Thực hiện các chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở các xã để nhanh chóng chuẩn hoá đội ngũ cán bộ xã;

+ Hoàn thiện bộ máy chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới, tiếp tục đổi mới thiết chế dân chủ cơ sở, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở nông thôn. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng đội ngũ cán bộ địa phương có đủ kiến thức, năng lực và phẩm chất đạo đức để vận hành tốt nhiệm vụ.

b) An ninh chính trị và trật tự xã hội nông thôn

- Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ An ninh xã hội tiếp tục được giữ vững, ổn định. Thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động của Huyện ủy về tăng cường lãnh đạo đấu tranh phòng chống tội phạm, thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng "âm mưu diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, đảm bảo giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, thường xuyên phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc;

+ Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước ở địa phương và vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, giải quyết tốt khiếu nại tố cáo, không xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người hoặc xảy ra điểm nóng.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

A. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, dự kiến: 198.289 triệu đồng, gồm:

1.Vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản: **142.132 triệu đồng** (chiếm 71,68%)

2.Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 56.157 triệu đồng (chiếm 28,32%).

B. Nguồn vốn

1. Vốn từ Ngân sách nhà nước: **121.374** triệu đồng, chiếm 61,21%; trong đó:

+ Vốn nông thôn mới: 50.717 triệu đồng, chiếm 25,58%.

+ Vốn lồng ghép: 70.657 triệu đồng:

* Vốn tập trung: 56.000 triệu đồng;

* Vốn phân cấp huyện: 0 triệu đồng;

* Vốn sự nghiệp: 14.657 triệu đồng.

2. Vốn cộng đồng: **63.415** triệu đồng, chiếm 31,98%; trong đó:

+ Vốn dân: 35.697 triệu đồng

+ Vốn doanh nghiệp: 27.718 triệu đồng

3. Vốn tín dụng: **13.500** triệu đồng, chiếm 6,81%

* Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến hết năm 2015.

2. Quy mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

a) Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

b) Quản lý đầu tư và xây dựng

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011

của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Vận dụng theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

4. Phân công thực hiện:

a) Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân xã Phú Hòa Đông, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phú Hòa Đông:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ, công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các Phòng, ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phú Hòa Đông xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2012 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

b) Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Phú Hòa Đông và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phú Hòa Đông triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Củ Chi và xã Phú Hòa Đông; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phú Hòa Đông cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2013 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Phú Hòa Đông.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới Phú Hòa Đông, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Phú Hòa Đông.

Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1
Điện thoại: 38.233.686
Fax: (84.8) 38.233.694
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng